

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Giàng A S, sinh năm: 1980.

Bị đơn: Chị Vừ Thị S, sinh năm: 1983.

Cùng trú tại: Bản H, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Giàng A S và chị Vừ Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A S và chị Vừ Thị S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có.

- Về con nuôi: Chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị S sinh ngày 05/6/2016 cho đến khi cháu S thành niên và có khả năng lao động. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu S với mức cấp dưỡng là 400.000đ/tháng đến

khi cháu S thành niên và có khả năng lao động. Hình thức cấp dưỡng: Tiền mặt (VNĐ), phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2020.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh S phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, diện tích ruộng nương: Anh S và chị S tự thỏa thuận.

- Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

2.4. Về án phí: Anh S và chị S đều là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại Bản Huổi Un, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thuộc xã đặc biệt khó khăn (xã 135 theo Quyết định của Chính Phủ) có đơn xin miễn án phí DSST. Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh S và chị S được miễn án phí DSST, anh S được miễn án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- VKSND H.Điện Biên;
- UBND xã Mường Pồn, H.ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Thu Hương